

Nghiên cứu liên ngành trong khoa học xã hội: Mối quan hệ giữa nghiên cứu văn học và văn hóa học

Vũ Thị Mỹ Hạnh^(*)

Tóm tắt:

Nghiên cứu liên ngành trong khoa học xã hội đã có từ thế kỷ XX và hiện nay vẫn là xu hướng quan trọng trong thế kỷ XXI. Trong nghiên cứu liên ngành, văn học và văn hóa rất được chú trọng bởi văn học là một bộ phận không thể tách rời của văn hóa. Trong quá trình phát triển lịch sử, cũng như nhiều ngành khoa học khác, nghiên cứu văn học đã góp phần to lớn trong việc nhận thức về vai trò của văn hóa trong sáng tạo và tiếp nhận văn học cũng như trong đời sống xã hội.

Ở Việt Nam, đã có không ít công trình nghiên cứu văn học đi sâu tìm hiểu bản sắc dân tộc, xem bản sắc dân tộc như là phẩm chất của văn học, và cũng có không ít những công trình nghiên cứu văn hóa xem trọng dẫn liệu văn học như những dấu hiệu, những tiêu chí góp phần làm sáng tỏ đặc điểm văn hóa, bản sắc văn hóa của dân tộc. Bài viết tổng quan những cách thức nghiên cứu liên ngành văn học và văn hóa học để có được sự so sánh và thông tin đa chiều về phương pháp liên ngành trong khoa học xã hội.

Từ khóa: Phương pháp liên ngành, Nghiên cứu liên ngành, Liên ngành khoa học xã hội, Văn hóa học, Văn học

Abstract: Interdisciplinary research in the social sciences dates back to the twentieth century and remains a significant trend in the twenty-first century. In interdisciplinary research, much attention has been paid to the relationship between literature and culture since literature is an integral part of culture. In the course of historical development, literary study has made a great contribution to the recognition of the role of culture in the creation and reception of literature and in social life as well.

In Vietnam, numerous literary studies delve into national and ethnic identity as a quality of literature, while many other cultural studies value literary materials as signs and criteria to clarify cultural characteristics and identities of the nation. The paper reviews interdisciplinary approaches regarding culture and literature as a means to provide a comparative and multidimensional view in the methodology for interdisciplinary research in social sciences.

Key words: Interdisciplinary Methodology, Interdisciplinary Research, Social Sciences, Culturology, Literature

^(*) ThS., Viện Thông tin Khoa học xã hội; Email: hanhvtm206@yahoo.com

1. Một số vấn đề về nghiên cứu liên ngành khoa học xã hội

Về phương diện lịch sử của khái niệm liên ngành, thực chất đã được nêu ra và bàn đến từ khoảng giữa những năm 1920. “Những tài liệu như vậy hiện vẫn được Hội đồng nghiên cứu Khoa học xã hội Hoa Kỳ (United State’s Social Science Research Council - SSRC) lưu giữ. Vào thời gian ấy, SSRC đã mong muốn thúc đẩy việc nghiên cứu những vấn đề liên quan đến không chỉ một ngành” (Xem: Trịnh Cẩm Lan, 2015). Theo những nghiên cứu ở giai đoạn đó, liên ngành được hiểu như là “một cách tiếp cận trong nghiên cứu khoa học xã hội, trong đó có sự hợp tác của từ hai ngành khoa học trở lên” (Trịnh Cẩm Lan, 2015). Sau đó khái niệm này cũng dần được thay đổi, mở rộng. Việc sử dụng khái niệm liên ngành hiện nay đã trở nên thông dụng, đặc biệt là trong thế kỷ XXI. Tính liên ngành trong nghiên cứu khoa học là đặc điểm nổi trội của sự phát triển khoa học hiện đại. Nó đã diễn ra và dần được định hình trong khoa học tự nhiên, khoa học nhân văn và khoa học xã hội. Tiêu biểu như những công trình của M. Bakhtin, V. Skhlovsi, Yuri Lotman...

Theo Phạm Đức Dương, có ba mức độ liên ngành: Dùng phương pháp của một ngành ứng dụng vào các ngành khác; dùng lý thuyết của ngành A áp dụng vào các ngành B, C, D để xem xét hiệu quả; tìm điểm nổi trội giao thoa giữa các ngành khoa học. Liên ngành (interdisziplin) trong nghiên cứu khoa học là có sự tham gia của hơn một ngành khoa học. Đó là sự vận dụng phương pháp, kết quả của ngành khoa học gần, đã tương đối ổn định về đối tượng để nghiên cứu một ngành mới hơn nhưng ít nhiều phức tạp về đối tượng nghiên cứu (Dẫn theo: Tạ Đức Tú, 2016).

Những năm gần đây, ở Việt Nam, nhiều hội thảo, khóa học nghiên cứu liên ngành đã được tổ chức thường xuyên và ngày càng được chú trọng^(*). Ngoài ra, nhiều chương trình, dự án, hội thảo được tổ chức bởi các trường đại học và các viện nghiên cứu cũng đề cập đến phương pháp nghiên cứu liên ngành. Các lớp bồi dưỡng kiến thức nghiên cứu liên ngành còn là nhiệm vụ thường xuyên, quan trọng trong kế hoạch đào tạo của nhiều cơ quan, trong đó có Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam - một cơ quan nghiên cứu đầu ngành về khoa học xã hội. Các khóa học về phương pháp nghiên cứu liên ngành được tiếp cận từ nhiều hướng khác nhau của khoa học xã hội, qua đó giúp các nhà nghiên cứu có cái nhìn đa chiều về khoa học xã hội nói chung.

Liên quan đến việc định nghĩa thế nào là liên ngành, cần phân biệt rõ liên ngành với đa ngành (multidisciplinary). Theo Trịnh Cẩm Lan (2015), sự khác biệt chủ yếu là ở hướng tiếp cận: Tiếp cận đa ngành nhấn mạnh việc sử dụng các phương pháp

(*) Tháng 12/2008, Viện Khoa học xã hội Việt Nam (nay là Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam) đã tổ chức Hội thảo quốc tế “Quyền con người: tiếp cận nghiên cứu đa ngành và liên ngành khoa học xã hội”. Viện Nghiên cứu Hán Nôm tổ chức Hội thảo “Nghiên cứu tư tưởng Nho gia từ hướng tiếp cận liên ngành” (tháng 6/2009); Năm 2010, Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn (Đại học Quốc gia Hà Nội) tổ chức Hội thảo “Nghiên cứu liên ngành trong khoa học xã hội và nhân văn: Kinh nghiệm và triển vọng”. Tháng 6/2015, Trường tiếp tục tổ chức Hội thảo “Nghiên cứu liên ngành trong khoa học xã hội và nhân văn: Tiếp cận từ góc độ lý thuyết đến thực tiễn”. Cũng trong năm 2015, Trường đã tổ chức Hội thảo quốc tế “Tiếp cận liên ngành trong nghiên cứu lịch sử đô thị Việt Nam”; Trường Đại học Văn hóa thành phố Hồ Chí Minh tổ chức Hội thảo “Liên ngành trong văn hóa học” (tháng 9/2011) đề cập đến các vấn đề về nghiên cứu văn hóa và phương pháp nghiên cứu liên ngành.

và quy trình của nhiều chuyên ngành khác nhau một cách riêng biệt và độc lập, trong khi đó tiếp cận liên ngành lại tìm cách liên kết, thiết lập những mối quan hệ qua lại, quy định và ảnh hưởng lẫn nhau giữa những hệ phương pháp và quy trình của nhiều chuyên ngành khác nhau.

2. Nghiên cứu liên ngành văn học và văn hóa học

Văn học là một trong những bộ phận quan trọng cấu thành văn hóa, nó vừa là nơi lưu giữ, bảo tồn những giá trị văn hóa truyền thống lâu bền, vừa có khả năng vươn tới giao lưu với các nền văn hóa khác một cách sâu rộng. Văn học, một mặt là thành tố văn hóa, kết tinh những giá trị văn hóa, mặt khác lại cho thấy những dấu ấn văn hóa của từng thời đại trong chiều dài lịch sử dân tộc. “Văn học là tấm gương phản chiếu văn hóa” (Đỗ Lai Thúy, 2007). Mỗi dân tộc có ngôn ngữ, chiều dài lịch sử và văn hóa riêng. Và con đường đến với văn hóa của mỗi dân tộc thường thông qua những tác phẩm văn học.

Văn học không chỉ là đối tượng nghiên cứu của chuyên ngành nghiên cứu văn học, mà nó còn là đối tượng nghiên cứu của dân tộc học, sử học, nhân học, văn hóa học, tâm lý học... Freud phân tích tác phẩm văn học, nhưng các nghiên cứu của ông không liên quan đến khoa học văn học, mà đến phân tâm học. Các khoa học nhân văn khác có thể sử dụng văn học như chất liệu cho những nghiên cứu của mình, nhưng nếu đạt được kết quả thì chúng trở thành một bộ phận của các khoa học tương ứng, chứ không thuộc lĩnh vực của những trước tác bàn về văn học (Xem: Tzvetan Todorov, 2002). Trước đây, quan hệ văn hóa và văn học được coi là quan hệ *tương hỗ*. Thứ quan hệ ngang bằng của hai hình thái ý thức xã hội cùng thuộc thượng tầng kiến trúc, cùng phản ánh một

cơ sở hạ tầng. Bởi thế, khi nghiên cứu văn hóa thì văn học được coi như một nguồn tài liệu, còn khi nghiên cứu văn học thì lại tìm thấy ở nó những chủ đề văn hóa, cũng là một kiểu tài liệu (Xem: Đỗ Lai Thúy, 2007). Có thể nói văn học Việt Nam là “đài kỷ niệm hoành tráng nhất” của văn hóa Việt Nam chạy dài suốt mười thế kỷ (Xem: Trần Đình Sử, 2006).

Ở Việt Nam, từ những năm 1940, trong công trình nghiên cứu *Kinh thi Việt Nam*, Trương Tửu đã có những nghiên cứu liên ngành văn hóa và văn học. Từ khi một số công trình của M. Bakhtin được dịch và giới thiệu ở Việt Nam (những năm 2000) thì hướng đi này càng được khẳng định. Chẳng hạn: năm 2003 có các cuốn *Những vấn đề thi pháp Đôxtôiépki* (Trần Đình Sử, Lại Nguyên Ân, Vương Trí Nhàn dịch), Nxb. Giáo dục; *Lý luận và thi pháp tiểu thuyết* (Phạm Vĩnh Cư dịch và giới thiệu), Nxb. Hội Nhà văn,... trong đó, M. Bakhtin đã vận dụng các quan điểm và thành tựu văn hóa để lý giải văn học.

Nghiên cứu văn hóa thông qua văn học, nghiên cứu văn học để hiểu về văn hóa dân tộc - đó là cách tiếp cận hiệu quả và mang lại nhiều thành công cho những nhà nghiên cứu đi theo hướng này. Đã có nhiều công trình nghiên cứu như: *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại* (Trần Đình Hượu, 1995), *Nhà nho tài tử và văn học Việt Nam* (Trần Ngọc Vương, 1995), *Văn học Việt Nam: Dòng riêng giữa nguồn chung* (Trần Ngọc Vương, 1997), *Mối quan hệ giữa văn hóa và văn học* (Đỗ Thị Minh Thúy, 1997), *Bản sắc dân tộc trong văn học Thiền Tông thời Lý - Trần* (Nguyễn Công Lý, 1998), *Bản sắc dân tộc trong thơ ca Việt Nam hiện đại* (Nguyễn Duy Bắc, 1998), *Ý thức văn hóa của văn học cách mạng Việt Nam sau 1945* (Trần Đình Sử, 1996), *Văn hóa: ngọn*

nguồn của văn học (Hồ Sĩ Vịnh, 1999), *Từ cái nhìn văn hóa* (Đỗ Lai Thúy, 1999), *Văn học trung đại Việt Nam dưới góc nhìn văn hóa* (Trần Nho Thìn, 2003), *Mối quan hệ giữa nghiên cứu văn học và văn hóa học* (Nguyễn Văn Hiệu, 2006), *Văn hóa như là nguồn mạch sáng tạo và khám phá văn chương* (Nguyễn Văn Hạnh, 2007), *Khoa học Ngữ văn trong bối cảnh phát triển văn hóa học* (Nguyễn Tri Nguyên, 2007), *Sức ám ảnh của tín ngưỡng dân gian trong tiểu thuyết Mẫu thượng ngàn* (Trần Thị An, 2007), *Quan hệ văn hóa và văn học từ cái nhìn hệ thống* (Đỗ Lai Thúy, 2007), *Quan hệ văn chương và văn hóa ở Việt Nam* (Phan Ngọc, 2011), *Giải mã văn học từ mã văn hóa* (Trần Lê Bảo, 2011), *Giá trị văn hóa của văn học Việt Nam* (Trần Đình Sử, 2017),...

Theo Nguyễn Văn Hiệu (2006), với tư cách là khoa học chuyên ngành, trong mối quan hệ với văn hóa học, có thể thấy nghiên cứu văn học và văn hóa học có nhiều điểm tương đồng về quan điểm phương pháp luận, nhưng vẫn khác nhau về cơ bản. Chúng ta cũng thấy rằng, những tính đặc trưng như tính hệ thống, tính giá trị, tính nhân sinh, tính lịch sử, tính dân tộc... của đối tượng đều được hai ngành quan tâm, nghiên cứu. Nếu xem xét từ góc độ thời gian, văn hóa học có văn hóa sử, nghiên cứu văn học có văn học sử; nếu xem xét từ góc độ không gian, văn hóa học có văn hóa vùng, văn hóa khu vực; nghiên cứu văn học cũng có văn học vùng, văn học khu vực; nếu xem xét từ góc độ chủ thể, văn hóa học có văn hóa dân tộc, nghiên cứu văn học có văn học dân tộc;....

Năm 1995, Trần Đình Hượu trong *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại* đã nghiên cứu văn học Việt Nam từ Nho giáo và chỉ ra đặc điểm của giai đoạn văn học

kể từ đầu thời Lê đến cuối thời Nguyễn. Ông cũng nêu ra những hình mẫu nhà nho (hành đạo, ẩn dật, tài tử), tác giả của thể loại văn học Nho giáo này, như là một giả thuyết làm việc. Điều này, về sau, được nhà nghiên cứu Trần Ngọc Vương trong *Nhà nho tài tử và văn học Việt Nam* (1995) cụ thể hóa bằng một cái nhìn loại hình học. Đỗ Lai Thúy trong *Hồ Xuân Hương hoài niệm phồn thực* (2016) đã lý giải những biểu tượng lấp lửng hai mặt trong thơ Hồ Xuân Hương bằng tín ngưỡng phồn thực, còn Trần Nho Thìn trong *Văn học trung đại Việt Nam dưới cái nhìn văn hóa* (2003) thì cho rằng nghiên cứu văn học trung đại từ những phạm trù cơ bản của văn hóa trung đại để tránh hiện đại hóa văn học dân tộc. “Nhưng, có lẽ, Phan Ngọc là người có ý thức trong câu chuyện này hơn cả. Là một nhà văn hóa học, ông đã sớm lấy yếu tố văn hóa xã hội để tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong *Truyện Kiều*. Rồi lại thử giải thích văn học bằng ngôn ngữ” (Đỗ Lai Thúy, 2007).

Đinh Gia Khánh (1998) cho rằng, văn học Việt Nam góp phần tạo nên nhiều giá trị văn hóa Việt Nam, trong đó nổi lên hàng đầu là những giá trị nghệ thuật trong ngôn ngữ văn học và phẩm chất của con người Việt Nam. Các tác phẩm văn học có thể giúp chúng ta nhận thức rõ hơn về hiện thực của thiên nhiên và xã hội, có thể giúp cho người ta có được ý thức sâu sắc hơn về cộng đồng dân tộc. Còn Trần Đình Sử (2001) khẳng định, vai trò sáng tạo văn hóa của văn học có thể được nhìn nhận ở bốn khía cạnh. *Thứ nhất*, văn học phát huy vai trò sáng tạo những mô hình nhân cách con người, lấy việc thể hiện con người làm trung tâm. *Thứ hai*, văn học thẩm định, phê phán, điều chỉnh văn hóa, để tìm ra những cái ưu tú, cái bất cập. *Thứ ba*, văn

học có vai trò lựa chọn văn hóa, cung cấp một sự lựa chọn từ phía đời sống, từ nhu cầu làm giàu đời sống, tâm hồn và trí tuệ, chứ không phải chỉ là từ lập trường chính trị. *Thứ tư*, văn học có vai trò sáng tạo văn hóa. Văn học là bộ phận quan trọng của văn hóa, sáng tạo nhân sinh quan, ngôn ngữ, hình thức...

Trong bài nghiên cứu *Bản sắc dân tộc trong sáng tác văn nghệ* (in trong cuốn *Bản sắc dân tộc trong văn hóa văn nghệ*, 2001), Nguyễn Đình Thi đã khái quát những phẩm chất đạo đức, tinh thần của người Việt Nam, những tư tưởng, tín ngưỡng được phản ánh trong văn học qua các giai đoạn lịch sử. Ông khẳng định, sau Đổi mới (1986) văn học Việt Nam đã mở ra những chân trời mới. “Sáng tác văn học được mở rộng về nhiều hướng, văn học vẫn tìm về nguồn cội, tìm về những giá trị văn hóa đích thực” (Nguyễn Đình Thi, 2001). Nguyễn Bá Thành trong cuốn *Bản sắc Việt Nam qua giao lưu văn học* (2006) khẳng định, mặc dù là một nền văn học không đồ sộ, không có tầm cỡ như các nền văn học Nga, Pháp, Trung Quốc, Hy Lạp, Ấn Độ nhưng văn học Việt Nam đã phản ánh cuộc sống, sắc thái của cộng đồng dân tộc khá phong phú và toàn diện.

Các nhà nghiên cứu văn học hiện đại, họ đã nhìn nhận, đánh giá, lý giải các giá trị văn hóa qua tác phẩm văn học: Trần Thị An với bài “Sức ám ảnh của tín ngưỡng dân gian trong tiểu thuyết *Mẫu thượng ngàn*” (Tạp chí *Nghiên cứu văn học*, số 6.2007), Nguyễn Văn Hùng với bài “Giải mã cội nguồn bản sắc văn hóa Việt Nam qua tín ngưỡng thờ Mẫu trong tiểu thuyết *Mẫu thượng ngàn* của Nguyễn Xuân Khánh” (Tạp chí *Khoa học xã hội Việt Nam*, số 12/2012), Trương Thị Hòa nghiên cứu *Văn hóa tâm linh người Việt trong tiểu thuyết*

Mẫu thượng ngàn của Nguyễn Xuân Khánh (2013)... “Nhìn nhận vai trò và sức mạnh của tín ngưỡng vật linh ở thời điểm đầu thế kỷ XX, xem ra, Nguyễn Xuân Khánh không những không tách rời mà còn chịu ảnh hưởng sâu sắc một quan điểm nổi bật của xã hội trong thời điểm hiện nay là: sự bùng nổ của tín ngưỡng đa thần và sự bủa vây của những tin đồn” (Trần Thị An, 2007). Đó là cách mà các nhà nghiên cứu áp dụng lý thuyết liên ngành để nghiên cứu văn học.

“Văn học biểu hiện văn hóa, cho nên văn học là tấm gương của văn hóa” - đó là khẳng định của Huỳnh Như Phương (2008). Ông cho rằng, văn học, nghệ thuật cùng với triết học, chính trị, tôn giáo, đạo đức, phong tục là những bộ phận hợp thành của toàn thể cấu trúc văn hóa. Trong tác phẩm văn học, có thể tìm thấy hình ảnh của văn hóa qua sự tiếp nhận và tái hiện của nhà văn. Đó là bức tranh văn hóa trong thơ Hồ Xuân Hương (tục ngữ, câu đố, trò chơi dân gian...); là những vẻ đẹp của văn hóa truyền thống trong truyện ngắn và tùy bút của Nguyễn Tuân (nghệ thuật trà, nghệ thuật ẩm thực, thư pháp...); là những tín ngưỡng, phong tục trong sáng tác của Nguyễn Xuân Khánh (đạo Mẫu, tín ngưỡng phồn thực, tục thờ cây Đa, hát chầu văn, ma chay, cưới hỏi...). Tác phẩm văn học còn cho thấy nguồn mạch sâu xa của văn hóa qua việc lý giải tấn bi kịch lịch sử trong “Vũ Như Tô” của Nguyễn Huy Tưởng (Tạp chí *Tri tân*, 1943) hay cốt cách người nông dân qua những biến thiên lịch sử trong các sáng tác của Nguyễn Minh Châu: *Khách ở quê ra*, *Phiên chợ Giát*...

Năm 2006, tại Hội thảo *Văn học Việt Nam trong bối cảnh giao lưu văn hóa khu vực và quốc tế* (Vietnamese Literature in

the Regional and International Context of Cultural Exchanges) do Viện Văn học phối hợp với Harvard Yenching Institute (Hoa Kỳ) tổ chức tại Hà Nội, Phan Trọng Thuồng đã nhận định: Có lẽ đây là thời điểm tốt nhất để nhìn nhận lại văn học Việt Nam một cách điềm tĩnh, vì nó không còn bị cuốn hút vào các mục tiêu trước mắt của quá trình đổi mới nữa. Việc nghiên cứu quan hệ văn chương văn hóa đã được đặt trong khuôn khổ rộng hơn: văn chương Việt Nam (quá khứ và hiện tại) như một thành tố của văn hóa khu vực, văn hóa nhân loại. Theo đó, bản sắc dân tộc, tính nhân loại trong văn chương, văn hóa sẽ có thể được nhìn nhận một cách mới mẻ, đa dạng hơn.

3. Kết luận

Văn hóa học ra đời muộn, còn khá non trẻ, nhưng cũng đã có những đóng góp quan trọng đối với sự phát triển của nghiên cứu văn học. Nghiên cứu văn học hôm nay càng ý thức hơn về mối quan hệ giữa văn học và văn hóa, “về góc nhìn văn hóa trong nghiên cứu các đối tượng đặc thù của mình” (Nguyễn Văn Hiệu, 2006). Văn học là một bộ phận của tổng thể văn hóa, một yếu tố của hệ thống văn hóa, điều này đúng như M. Bakhtin nhận định: “Cần phải nghiên cứu văn học và tác phẩm văn học như những hệ thống chỉnh thể ở hai cấp liên đới. Hệ thống chỉnh thể của tác phẩm gia nhập hệ thống chỉnh thể của văn học; hệ thống chỉnh thể của văn học, đến lượt nó, lại gia nhập hệ thống chỉnh thể của văn hóa; và chỉ có hệ thống văn hóa mới quan hệ trực tiếp với những lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Không thể tách rời văn học ra khỏi hệ thống văn hóa” (Dẫn theo: Phạm Vĩnh Cư, 2004).

Tóm lại, bản chất quan hệ giữa văn hóa và văn học giúp các nhà nghiên cứu

văn học tiếp cận được một số phương pháp liên ngành để lý giải các giá trị văn hóa dân tộc. “Đối với người Việt Nam, văn học gần như là đồng nghĩa văn hóa” (Phan Ngọc, 2000). Điều này giải thích vì sao, đã có rất nhiều công trình khai thác văn hóa qua văn học và ngược lại, cũng không ít trường hợp nghiên cứu văn học qua văn hóa. “Hướng tiếp cận hai chiều giữa văn học và văn hóa đã mang lại những đóng góp quan trọng cho các nhà nghiên cứu” (Trần Thái Học, 1999), từ đây mở ra những hướng nghiên cứu liên ngành giữa văn học và văn hóa học □

Tài liệu tham khảo

1. Trần Thị An (2007), “Sức ám ảnh của tín ngưỡng dân gian trong tiểu thuyết Mẫu thượng ngàn”, Tạp chí *Nghiên cứu Văn học*, số 6.
2. Trần Lê Bảo (2011), *Giải mã văn học từ mã văn hóa*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
3. Phạm Vĩnh Cư (2004), *Sáng tạo và giao lưu*, Nxb. Hội Nhà văn, Hà Nội.
4. Nguyễn Văn Hiệu (2006), *Mối quan hệ giữa nghiên cứu văn học và văn hóa học*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Nâng cao chất lượng đào tạo bậc sau đại học chuyên ngành Văn hóa học”, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 1.
5. Trần Thái Học (1999), *Văn học, văn hóa Việt Nam trong xu thế toàn cầu hóa*, <http://www.khoanguvandhsphue.org>
6. Đinh Gia Khánh (1998), “Văn học góp phần tạo nên những giá trị hàng đầu dân tộc”, Tạp chí *Văn học*, số 6.
7. Trịnh Cẩm Lan (2015), *Liên ngành trong nghiên cứu khu vực*, <http://repository.vnu.edu.vn/bitstream>

8. Phan Ngọc (2000), *Thử xét văn hóa - văn học bằng ngôn ngữ học*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
9. Nguyễn Tri Nguyên (2010), *Văn hóa học - những phương diện liên ngành và ứng dụng*, Nxb. Đại học Công nghiệp Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hồ Chí Minh.
10. Huỳnh Như Phương (2008), “Văn học và văn hóa truyền thống”, Tạp chí *Nhà văn*, số tháng 5.
11. Trần Đình Sử (1998), “Vai trò sáng tạo văn hóa của văn học”, Tạp chí *Văn học*, số 6.
12. Trần Đình Sử (2001), *Giá trị văn hóa của văn học Việt Nam*, <https://trandinhstu.wordpress.com>
13. Nguyễn Bá Thành (2006), *Bản sắc Việt Nam qua giao lưu văn học*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
14. Nguyễn Đình Thi (2001), *Bản sắc dân tộc trong sáng tác văn nghệ*, Trung tâm nghiên cứu Quốc học.
15. Trần Nho Thìn (2003), *Văn học trung đại Việt Nam dưới cái nhìn văn hóa*, Nxb. Văn học, Hà Nội.
16. Đỗ Lai Thúy (2007), “Quan hệ văn hóa và văn học từ cái nhìn hệ thống”, Tạp chí *Văn hóa nghệ thuật*, số tháng 3.
17. Tạ Đức Tú (2016), “Nghiên cứu phong tục trên phương diện khái niệm và liên ngành”, Tạp chí *Khoa học*, Trường Đại học Cần Thơ, 43 (2016).
18. Tzvetan Todorov (2002), “Thi pháp học”, trong: *Chủ nghĩa cấu trúc và văn học*, Trịnh Bá Đĩnh dịch, Nxb. Văn học và Trung tâm nghiên cứu Quốc học, Hà Nội.